

ĐẠI THỪA KHỞI TÍN LUẬN NGHĨA SỚ

QUYỂN 2

(Phần 2)

MỤC 2: ĐỐI TRỊ TÀ CHẤP.

Chia làm hai:

1. Các loại tà chấp khác nhau, nói lên nghĩa chân chánh
2. Giải thích theo văn

1. Các loại tà chấp khác nhau nói lên nghĩa chân chánh

Chia làm ba:

1. Y theo sự thức đối trị tà chấp nói lên nghĩa chân chánh
2. Y theo vọng thức đối trị tà chấp nói lên nghĩa chân chánh
3. Y theo chân thức đối trị tà chấp nói lên nghĩa chân chánh

1. Y theo sự thức đối trị tà chấp nói lên nghĩa chân chánh:

Trong sự thức có tám tà chấp

1. Chấp cố định là một:

Có người nói sáu thức tâm tùy theo căn, tuy sẵn khác nhau mà thể tánh là một, qua lại kia đây. Như một con vượn hiện qua sáu cửa, chẳng phải có sáu con vượn, tâm thức cũng như thế, hiện trong sáu căn chẳng phải có sáu tâm.

Để đối trị tà chấp này, nói tâm chẳng phải một, thức không có tự thể khác, là nghĩa duyên biết. Sáu thức tâm căn nương tựa khác nhau, sở duyên cũng khác thì làm sao cố định là một. Nếu quyết định là một thì phải thường chiếu thường hiểu rõ một trần chẳng có thay đổi. Lại nữa, Tâm pháp không có nghĩa qua lại, tuy chỗ có hiểu biết thì chỗ biết kia liền sinh, không được nói là một mà có qua lại. Lại nữa, dùng ví dụ khỉ vượn để dẫn chứng tâm là một, nghĩa này không phải đúng. Kẻ phàm phu ngu si cho là một con khỉ hiện ở sáu cửa, nhưng thật ra khỉ niệm niệm sinh diệt, khi hiện trong cửa này có nghĩa là không đến cửa kia. Tâm thức cũng vậy, khi nương mắt sinh nhãn thức có nghĩa là không đến các căn khác, tất cả đều như thế.

2. Chấp cố định khác nhau:

Có người nói rằng, sáu thức tâm thể tánh nhất định là khác nhau. Đối trị tà chấp này nói tâm không khác, nơi phần hạn của Sự (thức) có một điểm nối tiếp, chẳng phải thể khác hoàn toàn, một con khỉ chạy giỡn ở sáu cửa chẳng phải có sáu con vượn; nếu nói sáu thức mỗi thức có tự thể riêng, pháp thể khác nhau thì không liên quan nhau.

Nhãn thức từ nhãn sinh, cho đến ý thức lại từ ý sinh, không được lẫn nhau sinh khởi. Hiện tại thấy năm thức từ ý thức sinh, ý thức từ năm thức mà sinh, nhãn chẳng phải có tự thể riêng.

Lại nữa, nếu sáu thức mỗi thức có tự thể khác nhau, pháp thể khác nhau chẳng chướng ngại nhau, vì không chướng ngại nhau nên tâm của sáu thức lẽ ra đều thường có, đều nên thường dùng. Vì chẳng thường đều có đều dùng nên biết không có tự thể riêng khác.

3. Chấp cố định là thường:

Có người nghe nói trong ba đời nghiệp quả không dứt mất, nghĩa là tâm nhất định thường sinh tử qua lại, thường là một thứ dụng của thức, tuy có lúc thanh lúc suy mà tâm thể không hề thay đổi.

Đối trị tà chấp này nên nói thức vô thường, tâm trong loài người khác trong loài trời cũng khác tâm trong sáu đường mỗi thứ khác nhau, vì sao chấp là thường? Lại nữa, như kinh nói tâm tương ứng khổ khác, tâm tương ứng với vui khác, tâm tương ứng không khổ không vui khác. Như thế tất cả đều khác nhau, vì sao chấp là thường?

Chỉ vì phàm phu không biết tướng của tâm nên vọng chấp là thường, cũng như trẻ con thấy vòng lửa quay cho là nối tiếp không dứt. Nếu tâm là thường thì thiện nên thường thiện, ác nên thường ác, không có thay đổi. Vì có thay đổi nên biết nhất định là vô thường.

4. Chấp cố định là đoạn:

Có người nghe nói Tâm thức vô thường bèn cho nhất định là đoạn. Đối trị tà chấp này nên nói tâm chẳng đoạn, hiện đời tạo nghiệp về sau có quả báo, sao lại chấp nhất định là đoạn.

Ví như sữa bò và bơ lạc chuyển biến tuy khác nhau, nếu để chất độc trong sữa thì lạc sẽ hại người. Tâm cũng như vậy! Thân này làm ác dù chưa chịu khổ, nhưng phải chịu quả báo khổ, để chứng minh chẳng phải dứt mất.

5. Chấp cố định là có:

Như trong luận nói mười tám cõi đều trụ trong tánh mình, đây là có chẳng phải không, nghĩa là nói Không tức các ấm là không mà chấp ngang thành Ngã, nhân, pháp thể chẳng phải Không. Vì pháp chẳng Không nên tâm thức nhất định có. Đối trị tà chấp này nên nói thức là

không. Thế nào là tướng Không? Thức nghĩa là phân biệt, là biết, như trong một niệm thức có đủ bốn tướng: Đầu tiên là tướng sinh, kế là trụ, sau là dị và cuối cùng là tướng diệt. Trong bốn tướng, tướng nào Biết? Là tướng đầu Biết, hay là tướng giữa, tướng cuối cùng? Nếu tướng đầu tiên là Biết thì ba tướng còn lại không Biết, nếu ba tướng còn lại không Biết thì chẳng gọi là thức. Nếu các tướng còn lại Biết, thì lẽ ra tướng sinh nên không Biết; nếu tướng sinh không Biết thì chẳng gọi là thức. Nếu nói bốn tướng khác nhau đều biết thì trở thành bốn niệm khác nhau.

Hỏi: Pháp Biết quan hệ thế nào với một niệm có đủ bốn tướng?

Đáp: Bốn tướng riêng biệt chẳng phải là Biết, trong hòa hợp mới biết, chẳng phải cái Biết cùng hòa hợp.

Thế nào là có cái Biết? Như họp một trăm người mù lại chẳng lẽ có cái thấy?

Lại nữa, bốn tướng đều không có lý hòa hợp, thế nào là không có lý hòa hợp? Khi hiện có tướng sinh, các tướng khác chưa có thì lấy gì chung hợp. Cho đến tướng diệt thứ tư khi hiện tại đang có, thì các tướng khác đã qua mất, lại hòa hợp với cái gì? Tới lui tìm kiếm đều không có nghĩa hòa hợp, vì sao lại nói hòa hợp có Biết? Ý nghĩa chữ Biết đã không có, sao lại nhất định có thức! Cho nên kinh nói sắc... cho đến thọ tướng hành thức, tất cả đều Không.

6. Chấp cố định là không có:

Có người nghe nói năm ấm vắng lặng bèn cho rằng nhân duyên thế đế cũng không có, để đối trị chấp này nên nói thức chẳng phải không có. Nếu không có tâm thức làm sao thấy nghe hiểu biết được. Hiện tại thấy sáu thức đều có tác dụng, nên biết chẳng phải không có. Lại nữa, nếu không có thức thì không có thiện ác, nếu không có thiện ác cũng không có khổ vui, như vậy thì rơi vào tà kiến, dứt mất gốc lành, nên không chấp nhận như thế.

Kinh nói Không là nói theo chân, đối với thế đế chẳng phải không có tâm thức.

7. Chấp tâm thức độc lập:

Chấp chỉ có tâm vương không có tâm sở, Như Lai đã chân thật nói như thế. Đối trị chấp này, nói đồng thời có pháp tâm, tâm sở, nên kinh Niết-bàn chép: Các đệ tử ta không hiểu ý ta nên tuyên bố rằng Phật nói nhất định không có tâm sở.

Lại nữa, kinh Niết-bàn cũng xác định tâm sở ở Thập địa, chứng tỏ chẳng phải không có tâm sở. Lại nữa, ngài Long Thọ nói ví như dưới

ao có thủy châu nên nước trong, con voi bước xuống thì nước đục. Nước dụ cho tâm vương, châu và voi dụ cho tâm sở, trong ví dụ kia có thể nói nước, thủy châu, voi là một tâm pháp; như thế đâu có tâm sở riêng khác.

8. Chấp ngoài tâm nhất định có tâm sở:

Như trong Tỳ-đàm nói: Đối trị chấp này nói chẳng phải nhất định có tâm sở riêng khác, nên Niết-bàn nói: Các đệ tử không hiểu ý Ta nên tuyên bố rằng Phật nói nhất định có tâm sở. Nếu ngoài tâm nhất định có tâm sở riêng khác không can dự gì đến tâm thì không có tâm sao tâm sở chẳng sinh khởi riêng?

Lại nữa, nếu ngoài tâm nhất định có tâm sở riêng khác thì thức từ ý sinh, các tâm sở lẽ ra cũng có chỗ nương riêng. Nếu có chỗ nương riêng thì nghĩa này không đúng.

Vì sao không đúng như thế? Trong tông kia nói ba tánh tâm tương ứng đều khác, như địa vị cõi Dục khi tâm lành khởi có hai mươi hai tâm sở tương ứng cùng sinh, khi tâm bất thiện khởi thì có hai mươi một tâm sở tương ứng cùng sinh, khi tâm vô ký khởi thì có mười hai tâm sở tương ứng cùng sinh, từ tâm vô ký khi khởi thiện ác đồng có mười hai tâm sở nương tựa. Ngoài ra còn các tâm sở khác nương vào chỗ nào?

Nếu không có chỗ nương mà sinh thì tâm pháp không có thứ lớp duyên, kinh chẳng chấp nhận, nếu không có chỗ nương riêng mà nương ý sinh, nghĩa là đồng một chỗ nương với thức, thì chứng tỏ chẳng ở ngoài tâm, vậy lý ấy thế nào? Tức tâm thể kia đồng thời có đủ các nghĩa thọ tướng hành thức khác nhau, không giống như luận Thành Thật nói kiến lập trước sau. Ngay một tâm thể tùy nghĩa có chia ra khác nhau, không giống như Tỳ-đàm nói khác Thể kiến lập. Hai nghĩa gồm chung nên chẳng cần tranh luận.

2. Theo vọng thức đối trị tà chấp:

Tà chấp có sáu:

1. Chấp nhất định là không có:

Có người nghe nói chỉ có sáu thức không có tình thức thứ bảy, bèn cho một bề là không có thức thứ bảy. Để đối trị chấp này nên nói có bảy thức như trong Lăng-già nói nghĩa tám thức, kinh Thắng Man cũng nói bảy pháp chẳng trụ, nếu không có vọng thức thì nói gì là tám, nói gì là bảy.

Trong kinh nói không có bảy tình, nghĩa là trong Sự tướng không có tình thức thứ bảy, chẳng phải không có vọng thức.

2. Chấp nhất định là có:

Có người nghe nói có thức thứ bảy bèn cho rằng bảy thức có thể tánh riêng. Đối trị chấp này nên nói vọng không có thể tánh. Nên biết Như Lai ngay tâm pháp, chia nghĩa phân biệt lưỡng đối, chấp trước là thức thứ bảy, làm sao trong đó lập thể tánh riêng được?

Giống như người đời thấy sợi dây cho là rắn, sợi dây là sự thật, dụ cho chân thức; rắn là vọng, dụ cho vọng thức kia. Rắn nung sợi dây nên rắn không có thể tánh riêng, vọng nung chân mà có làm sao có thể tánh? Các loại ví dụ mê, mộng... cũng giống như thế.

Lại nữa, trong kinh có nói, nếu không có chân thức thì bảy pháp không trụ. Nếu có tự thể thì tại sao không trụ? Lại nữa, nếu thức tự có thể tánh thì lại là thật có vì sao gọi là vọng?

3. Chấp sự thức cho là vọng thức:

Có người nghe nói chân thức gọi là tâm, vọng thức gọi là ý, sự thức gọi là ý thức. Lại nói theo Tiểu thừa ý căn giới trong bảy tâm giới là thức thứ bảy. Đối trị chấp này nên tuyên thuyết vọng thức không giống sự thức. Ý căn giới trong bảy tâm giới, tức là sáu thức, về sau có thêm ý nghĩa là ý căn, lại không có pháp nào khác; vọng thức và khoảng phần hạn kia khác nhau thì làm sao nói là tướng một tướng khác? Như nay tại sao tướng luận nói vọng thức có sáu bắt đầu từ vô minh cho đến tương tục, như trên đã phân biệt rõ ràng? Sự thức có bốn: Một là chấp thủ tướng cho đến bốn là nghiệp hệ khổ tướng, như trên đã phân biệt, giới hạn đều khác nhau thì tại sao nói ý căn giới là thức thứ bảy?

Lại nữa, kinh Lăng-già nói “Vọng thức thứ bảy là chỗ chỉ có Phật Như Lai và Bồ-tát trụ địa mới giác biết được, ngoài ra đều không giác biết” thì tại sao lại nói ý căn giới là thức bảy.

Hỏi: Nếu vọng thức chẳng phải ý căn vì sao Lăng-già và trong luận này nói là Ý?

Đáp: Kia chỉ mượn tên gọi để hiển bày, chẳng phải tức ý căn. Như trong kinh Lăng-già nói thức bảy cho đó là tâm, nay trong luận này nói chân thức cho đó là tâm, đâu thể do tên giống nhau nên trở thành một vật? Tên gọi “tâm” tuy đồng mà chân, vọng khác nhau. Tên gọi “ý” tuy một mà đâu ngăn ngại khác nhau.

4. Chấp thô thành tế:

Có người nói khi mắt thấy sắc mà chẳng biết sắc là không, tức là tâm mê lầm của bảy thức, các căn còn lại cũng giống như thế. Nếu biết sắc là không tức là tâm hiểu biết của bảy thức, các căn còn lại cũng như thế.

Đối trị chấp này cần phải bày rõ sự khác nhau kia. Nói thấy sắc...

chẳng biết Không, đây là trong sáu thức chấp tánh vô minh chẳng phải thức thứ bảy. Chấp tánh vô minh này cũng là Chấp thủ tướng của Sự thức ở đoạn trước.

Hỏi: Nếu là tâm vô minh trong sáu thức, thì cùng vô minh trong thức thứ bảy có gì khác nhau?

Đáp: Ở đây cũng như đoạn trên đã phân biệt, vì trong pháp Sự tướng ngoài tâm chấp tánh mê Không nên chẳng phải vọng thức. Lại nữa, hiểu biết trong pháp sự tướng ngoài tâm vô tánh. Hiểu biết phân biệt trong sự thức này chẳng phải trí của thức thứ bảy.

5. Chấp chẳng diệt:

Có người nói bảy thức tâm khi chưa thấy lý thì sinh diệt vô thường, thấy lý thì thường, rốt ráo chẳng diệt. Để đối trị chấp này nên nói vọng cuối cùng sẽ diệt, Thể của bảy thức vọng tâm chỉ là si ám, tướng chỉ là phân biệt, chứng thánh hội chân như, xả phân biệt kia thấy thật làm sáng tỏ. Hết sạch si ám kia thì bảy thức tâm còn trụ chỗ nào mà nói chẳng diệt! Lý như thế phải dùng kinh văn chứng minh.

Như Niết-bàn nói thí như khi người nam người nữ đốt đèn, các bình dầu lớn nhỏ đều đầy dầu. Dầu dụ cho phiền não, ánh sáng dụ cho trí tuệ. Khi dầu hết ánh sáng tắt theo, phiền não hết rồi trí tuệ cũng diệt, nên biết vọng tâm phiền não đều mất. Lại nữa, Lăng-già nói dứt bảy chủng thức gọi là làm thân Phật ra máu, nên biết là vọng diệt.

Lại nữa, Long Thọ nói “tâm giác quán” ở cõi Dục là thiện là pháp đối trị, ở Nhị thiên tức là tội lỗi cho đến định Phi tướng phi phi tướng trở xuống tâm giác quán là thiện, đối với xuất thế lại là tội lỗi. Trí tuệ cũng vậy, đối với thế gian là thiện, nếu đối với thật tướng thì gọi là tội lỗi, tức nói là tội thì làm sao chẳng diệt?

Lại nữa, luận Đại Trí giải thích nghĩa Như, nói rằng Thật tướng như nước, thể tánh lạnh, trí quán như lửa. Nước theo lửa cho nên nóng, nếu lửa tắt hết rồi thì nước liền lạnh như cũ, nên gọi là Như. Thật tướng này cũng tùy trí quán mà chuyển biến, diệt quán này rồi Thật tướng như xưa nên gọi là Như, nên biết rõ sự hiểu biết vọng cuối cùng sẽ diệt hết, nếu trí quán không diệt, thì khi nước lạnh lửa đáng lẽ không tắt.

Có người nói rằng trong kinh nói diệt là chỉ diệt trí vô minh ám chướng, không phải diệt trí thể, nghĩa này không đúng.

Trong luận Thật Tánh, tự có giới văn nói không chỉ diệt si ám, cũng diệt trí giải. Nên trong luận kia nói có bốn chướng không được Tịch, Lạc, Ngã, Thường của Như Lai:

Duyên tướng: Nghĩa là vô minh địa, chướng chân tịnh của Phật, vì

đoạn lia nó nên được sự Chân tịnh của Phật.

Nhân tướng: Nghĩa là nghiệp vô lậu, chướng chân ngã của Phật, vì dứt trừ nó nên được Chân ngã của Phật.

Sinh tướng: Nghĩa là thân ý sinh, chướng chân lạc của Phật, vì dứt trừ nó nên được Chân lạc của Phật.

Hoại tướng: Nghĩa là sinh tử biến dịch, làm chướng chân thường của Phật, vì dứt trừ nó nên được Chân thường của Phật.

Ngoài vô minh... nói riêng vô lậu, cho nó là chướng nên phân biệt nói dứt trừ, vì sao lại nói không diệt vô lậu?

Lại nói Trí thể chẳng diệt tận nghĩa là Thể bất diệt tức là chân tâm chẳng phải thức thứ bảy.

Hỏi: Nếu bảy thức diệt thì ai được Bồ-đề? Ai chứng Niết-bàn?

Đáp: Tâm tướng tuy diệt hết, tâm tánh vẫn còn; tâm tánh còn tức là chân thức, cho nên ngay đây nói đặc nói chứng.

6. Chấp nhất định là diệt:

Có người nghe nói vọng tâm cuối cùng sẽ diệt nên nhất định cho là diệt, không có nghĩa huân tập. Vì sao như thế? Khi có vọng chưa được Chân thật thì không có chỗ huân, khi chứng Chân thật, vốn không vọng thì không có năng huân. Lại nữa, trong Chân thật tịnh pháp tròn đầy không thiếu, đâu cần vọng huân. Tâm có nghĩa này nên không có huân tập.

Đối trị chấp này nên nói có vọng, có vọng huân, như trong luận nói, vọng huân có hai thứ:

Sự thức huân, nghĩa là điều lành tu được của phàm phu Nhị thừa.

Nghiệp thức huân, nghĩa là đạo thực hành của các Bồ-tát.

Chỗ huân tập có hai thứ là huân sinh và huân hiển.

Nhìn về quả phương tiện nói là có huân, kia cũng như con dấu ấn xuống bùn thành chữ, cũng như đúc khuôn vàng thành nữ trang. Nhìn về tánh, hiển bày tịnh quả huân như lò đúc... làm nóng chảy vàng.

Nếu nói “Khi vọng vì chưa được chân cho nên nay không huân”, nghĩa là khi được (chân) là do kia (chân), “sau lại huân” nghĩa là thế nào?

Nếu nói “Y cứ chân vốn không có vọng nên nay không huân”, nghĩa là theo chân nói về chân; chân thì thường vắng lặng thật không nhờ huân. Y cứ vọng nói chân thì chân nhiễm theo vọng, về sau y theo vọng tô điểm thêm, đâu không có nghĩa huân? Nếu nói “trong chân, tịnh pháp tròn đủ không nhờ huân tập”, nghĩa là khi còn là phàm phu tuy có tánh tịnh, chưa hiển thành đức cho nên phải huân tập. Cũng như

trong nhà tuy có kho báu nhưng nếu không đào thì kho báu không hiện, cũng như trong đất tuy có nước mà lấy không được nên nói có huân tập.

Hỏi: Chân vọng mỗi tánh khác nhau, sao vọng tu mà huân chân được?

Đáp: Vì chân vọng không lìa nhau nên vọng nhiễm thì nhiễm, vọng tịnh thì tịnh, nên dùng vọng huân tu thành chân đức.

3. Y theo chân thức đối trị tà chấp:

Chấp có hai:

1. Phàm phu dính mắc Ngã chấp
2. Nhị thừa dính mắc pháp chấp

1. Phàm phu dính mắc Ngã chấp:

Hỏi: Phàm phu cũng dính mắc các pháp vì sao chỉ gọi là người dính mắc ngã chấp?

Đáp: Giới hạn cũng dính mắc các pháp, nay đối với Nhị thừa thì phàm phu chấp mắc ngã và ngã sở, gọi chung là Nhân chấp vì các pháp đều thuộc về Ngã.

Theo chỗ chấp của phàm phu tùy theo nghĩa mà nói đầy đủ, lược có hai thứ:

1. Chấp có
2. Chấp không

1. Chấp có:

Có bốn loại:

1. Chấp thật đồng với thân ngã:

Có người nghe nói tàng thức là ngã, cho là giống với ngoại đạo chấp thân ngã.

Đối trị chấp này nên nói Như Lai tàng chẳng phải ngã, chẳng phải chúng sinh, chẳng phải mạng, chẳng phải người.

2. Chấp trong thân có đầy đủ chân nhiễm:

Có người nghe nói hai pháp sinh tử là Như Lai tàng, nên cho rằng trong chân có sinh tử.

Đối trị tà chấp này nên nói Như Lai tàng tự tánh thanh tịnh, từ xưa đến nay chỉ có hằng sa Phật pháp thanh tịnh, không có nhiễm ô. Nếu nói “Trong chân thật có sinh tử” khi chứng ngộ sẽ lìa hẳn sinh tử thì không có việc đó. Nếu nói có tác dụng duyên khởi kia theo pháp môn thế gian, chẳng phải không có nghĩa này.

3. Chấp có tướng tịnh:

Có người nghe nói trong Như Lai tàng có đủ tất cả pháp công đức

không thêm không bớt, liền cho là trong chân có sắc tâm tự tướng khác nhau.

Đối trị chấp này nên nói “Như Lai tàng tuy có đủ các pháp nương vào chân như, nói không có tướng kia đây mình người, cho đến cũng không có lìa tướng mình người. Vì trái với nhiệm nên nói trong chân có đầy đủ tất cả pháp. Lại nữa, trong chân kia các pháp nhiều như số cát sông Hằng đồng thể duyên tập không có khác nhau, không được giữ riêng tướng khác nhau.

4. Chấp tướng bắt đầu và kết thúc:

Có người nghe nói nương Như Lai tàng có sinh tử, cho là Như Lai tàng bắt đầu khởi sinh tử. Lại nữa, vì nói Như Lai tàng khởi sinh tử nên tuy được Niết-bàn sẽ khởi sinh tử trở lại, vì khởi sinh tử nên Niết-bàn có kết thúc.

Để đối trị chấp này nên nói Như Lai tàng không có bắt đầu không có kết thúc. Vì không có bắt đầu nên nương (Như Lai tàng) khởi sinh tử mà sinh tử không có bắt đầu, cho nên luận chép nếu có ai nói ngoài ba cõi lại có chúng sinh bắt đầu sinh khởi, thì đó là lời của ngoại đạo chẳng phải Phật pháp chân chánh. Vì không có kết thúc nên nương Như Lai tàng thành tựu Niết-bàn, Niết-bàn không có kết thúc.

2. Chấp không:

Phân biệt có ba thứ:

1. Chấp nghĩa không cho là chân thức:

Có người nghe nói chân thức lìa tướng, là pháp vô ngã, bèn nói nghĩa Không của sáu thức, bảy thức tức là chân thức.

Đối trị chấp này nên nói Thức Bất Không.

Kinh nói “Không”, nghĩa là trong chân thức không có chấp tướng vọng tình kia nên gọi là Không, chẳng phải cho chân thức một bề là không, nên luận Duy Thức nói: Đối với phàm phu ngoại đạo chấp ngã ngã sở, nên nói tất cả pháp như sắc... đều không, chẳng phải cảnh giới ly ngôn, tất cả đều không. Cảnh giới ly ngôn kia là sở hành của Phật, chỉ có chân thức chớ không có thức nào khác, và cảnh giới nào khác ngoài chân thức. Vì sao nói không được?

Lại nữa, như kinh Thắng Man nói hai thứ:

Không Như Lai tàng: Nghĩa là tất cả phiền não Không, chẳng có tự thể.

Bất không Như Lai tàng: Nghĩa là tất cả Phật pháp nhiều hơn số cát sông Hằng.

Lại nữa, chấp lý Không của sáu thức, bảy thức là chân thức, nghĩa

là trong hai chấp Không Như Lai tàng kia đâu có liên quan tạng chân thức Bất không. Lại nữa, trong kinh kia có nói sinh không pháp không và đệ nhất nghĩa không, ngoài ba cái Không này lại riêng nói về nghĩa không của A-lại-da thì biết rõ sáu thức bảy thức tâm là Không, chẳng phải là chân thức.

Lại nữa, trong chân thức tuy có nghĩa Không, nhưng chẳng nói nghĩa Không cho là chân thức. Trong Sự thức tuy có nghĩa Không, nhưng chẳng nói lấy nghĩa không cho là chân thức. Trong vọng thức tuy có nghĩa không, nhưng chẳng nói lấy nghĩa không cho là vọng thức. Chân thức cũng vậy, chẳng nói nghĩa không cho là Chân thức. Chân thức là tánh biết chân thật thì vì sao nói là không? Nếu nói “tâm không là chân thức”, trong pháp Tiểu thừa cũng nói tâm không, vì sao chẳng gọi là chân thức?

E2. Chấp Pháp thân cho là không:

Có người nghe nói Pháp thân Như Lai rốt ráo vắng lặng cũng như hư không, người này không biết vì phá chấp liền cho Pháp thân một bề là không. Để đối trị chấp này nên nói thật Bất không.

Cái gọi là “không” là đối đãi với “có” mà nói, thể không chẳng ở riêng chỗ nào. Lại nữa, luận nói một bề cảnh giới chỉ do tâm mà có, ngoài tâm không có pháp. Nếu lìa vọng tâm cảnh giới cũng diệt theo, chỉ có chân tâm chẳng chỗ nào không khắp, tức là tánh trí Như Lai rộng lớn rốt ráo là thiện, chẳng phải hư không.

3. Chấp chân như cho là quyết định không:

Có người nghe nói “Thế gian, Niết-bàn tất cả đều vắng lặng, cho đến chân như cũng rốt ráo không, lìa tất cả tướng”, chẳng biết đây là phá chấp, liền cho chân như chỉ là không. Để đối trị chấp này nên nói Như Lai Bất Không đầy đủ vô lượng tánh công đức, sao nói là không được?

2. Nhị thừa chấp pháp:

Vọng chấp có hai:

1. Chấp có:

Người Nhị thừa chưa chứng pháp không, thấy có tướng sinh tử Niết-bàn, do kiến chấp này nên rất sợ sinh tử, thú hưởng về Niết-bàn, mê lầm che đậy chân như.

Đối trị chấp này nên nói các pháp không, tất cả sinh tử tánh thường vắng lặng, cũng không có Niết-bàn tự diệt để được.

2. Chấp quyết định không có:

Người Nhị thừa thấy được phần sinh Không, bậc thượng căn thấy

được chút ít pháp Không, bèn chấp cái Không này cho là rốt ráo, chướng ngại lý chân thật. Để đối trị chấp này nên nói thật có Phật tánh, chẳng phải không. Đối trị tà chấp yếu chỉ diệu huyền khó lường, chỉ biết cúi đầu trước lời thánh, nói sơ đầu mối chủ yếu.

Chia làm hai:

1. Đối trị tà chấp không giống nhau

2. Dẹp trừ chấp trước kia

Từ "Lại nữa rốt ráo xa lìa" trở xuống.

Phần đầu là đối trị tà chấp chẳng phải thật có mà vẫn còn tướng đối trị, nên phần tiếp theo là dẹp tướng đối trị.

1. Đối trị tà chấp không giống nhau:

Chia làm ba:

1. Lập đạo lý chung

2. Nêu số lượng, kể rõ các chương.

Từ "Ngã kiến này có hai loại" trở xuống.

3. Chương giải thích

Từ "Nhân ngã kiến là" trở xuống.

1. Lập đạo lý chung:

Đối trị tà chấp là nêu tên. Tất cả tà chấp đều nương ngã kiến này là phần giải thích chủ yếu. "Ngã kiến" là căn bản của các hoặc kia, cho nên theo nghĩa của một số nhà luận giải thì Ngã kiến chẳng phải hoặc, vì có ngã tu được thánh đạo. Nếu lìa ngã thì không có tà chấp là giải thích ngược lại.

3. Chương giải thích:

Chia làm hai:

1. Chương giải thích nhân ngã

2. Chương giải thích pháp ngã

1. Chương giải thích nhân ngã

- Chia làm hai:

1. Nêu sơ lược số lượng

2. Giải thích riêng

Từ "Thế nào" trở xuống.

Ở đây, trong năm phần, một phần đầu là chấp không ba phần sau là chấp có, ứng với phần đối trị tà chấp trong ba loại thức đã nói đủ như phần trên đã phân biệt rộng. Nhưng hiện nay trong luận này chỉ nói về chỗ căn bản, chỉ nói về chân thức. Trong chân thức chỉ nêu chỗ chủ yếu nên nói năm phần này, chánh văn trình bày rất dễ hiểu.

Trong năm phần này, mỗi phần đều có hai đoạn:

Nói về tà chấp

Nói về cách đối trị

2. Pháp ngã kiến:

Từ “Pháp ngã kiến” trở xuống...

Chia làm hai:

1. Chấp có

2. Chấp không

- Trong chánh văn chỉ chấp có, lược bỏ phần chấp không.

1. Chấp có

Chia làm hai:

1. Kiến chấp

2. Đối trị

2. Dứt bỏ chấp trước

Chia làm hai:

1. Dẹp trừ tướng đối trị

2. Bỏ quyền bày thật

Từ “Nhưng có” trở xuống.

1. Dẹp trừ tướng đối trị:

Chia làm ba:

1. Nêu tên

2. Dẹp tịnh

Từ “Nên biết” trở xuống.

3. Dẹp tướng

Từ “Cho nên” trở xuống.

1. Nêu tên:

Lại nữa, rốt ráo xa lìa vọng chấp là nêu tên. Chỉ lìa tà chấp chẳng phải là rốt ráo, cũng dẹp trừ cả năng đối trị gọi là lìa rốt ráo. Từ “Vì sao phải dẹp trừ cả hai?” trở xuống sẽ nói lên nghĩa này.

2. Dẹp tịnh:

Nên biết pháp nhiệm pháp tịnh đều là pháp đối đãi không thể nói, nếu nói đến tột lý thì nhiệm và tịnh đều chẳng thể có tướng, nhưng theo tướng mà phân biệt, y cứ vào vọng mà xét cũng có tịnh tướng.

Đã không có sự đối trị vọng chấp thì pháp tịnh cũng không thể thành lập.

3. Dẹp tướng:

Cho nên tất cả pháp đây là tất cả pháp nhiệm tịnh, xưa nay không có tướng để nói.

2. Dẹp quyền bày thật:

- Chia làm ba:

1. Dẹp quyền

2. Bày thật

Từ “Chỉ thú kia” trở xuống.

3. Giải thích ngược lại

Từ “Do niệm” trở xuống.

Mà có lời nói là nên biết Như Lai dùng phương tiện dẫn đường chúng sinh, chẳng phải phần hiển bày.

2. *Hiển thật:*

Nói lìa niệm là lìa niệm vọng thức, trở về chân như là phần hiển bày.

3. *Giải thích ngược lại:*

Xem chánh văn sẽ hiểu.

MỤC 3: PHÁT THỨ ĐẠO TƯỚNG

Chia làm ba:

1. Nêu chung

2. Trình bày các chương môn

Từ “Nói lược” trở xuống...

3. Chương giải thích

Từ “Tín thành tựu phát tâm” trở xuống...

1. *Nêu chung:*

Phân biệt phát thứ đạo tướng là nêu tên, Đạo là đạo tu chứng, phát thứ là chỗ tu hành hướng về. Đạo tu chứng của tất cả chư Phật là giải thích tướng của đạo. Chỗ hướng về của tất cả Bồ-tát tu hành là giải thích chữ phát thứ, hợp chung với lý hạnh để giải thích.

2. *Kể ra các chương:*

Chia làm hai:

1. Nêu số lượng

2. Kể ra các chương.

Nói thành tựu phát tâm là Thập tín trở lên, Giải hạnh phát tâm là Giải hạnh trở lên. Chứng phát tâm là Sơ địa trở lên.

3. *Chương giải thích:*

Từ “Tín thành tựu phát tâm là” trở xuống...

Chia làm ba chi:

1. Giải thích Tín thành tựu

2. Giải thích Giải hạnh phát tâm

3. Giải thích Chứng phát tâm

CHI B1: GIẢI THÍCH TÍN THÀNH TỰU:

- Chia làm hai:

1. Đặt câu hỏi về phát thú
 2. Phần giải thích
- Từ “Cái gọi là” trở xuống...

1. Hỏi về phát thú:

Tín thành tựu phát tâm là nêu tên, nương vào những hạng người nào là y theo người để hỏi. Tu những hạnh gì là theo hạnh tu để phân biệt. Được Tín thành tựu thì sẽ phát tâm là phần kết thúc câu hỏi về Tín phát tâm.

2. Phần giải thích:

Chia làm hai:

1. Nói theo người
 2. Giải thích theo hạnh
- Từ “Lại nữa, Tín thành tựu phát tâm là” trở xuống...

1. Nói theo người:

- Chia làm hai:

1. Tiến nhập
 2. Người tu lui sụt
- Từ “Nếu có chúng sinh” trở xuống...

Trong hàng Thập tín này vì quả vị có tiến có lùi, thường gặp duyên lành bèn vào chủng tánh, nếu gặp duyên ác sẽ lui sụt trở lại. Vì có hai hạng này nên chia ra hai phần.

1. Tiến nhập:

Chia làm ba:

1. Nêu quả vị
 2. Nói về khởi hạnh ấy
- Từ “Lại huân tập” trở xuống...
3. Nói về tiến nhập
- Từ “Tín tâm như thế” trở xuống.

1. Nêu quả vị:

Cái gọi là chúng sinh nhóm Bất định là Thập tín, là nhóm tiến lùi bất định kia.

2. Nói về khởi hạnh:

Chia làm hai:

1. Tin tâm Phật kia
 2. Phát tâm kia
- Từ “Chư Phật” trở xuống.

1. Tin tâm Phật kia:

Có năng lực huân tập gốc lành là sáu thức huân tập. Tin quả báo của nghiệp là quả báo có thể thực hành mười điều lành, chán khổ cầu Niết-bàn, gặp Phật cúng dường, tin tâm tu. Trải qua một muôn kiếp thì thành tựu lòng tin.

2. Phát tâm kia:

Chư Phật, Bồ-tát dạy cho phát tâm, hoặc vì đại Bi, hoặc vì hộ pháp sẽ tự phát tâm.

3. Nói về tiến nhập:

Tín tâm như thế thành tựu được Phát tâm là tròn đủ muôn kiếp. Vào nhóm chánh định là chủng tánh trở lên, quyết định không lui sụt, nên gọi là nhóm chánh định. Tánh chủng, tập chủng làm chủng tử chánh nhân ở chỗ hai Đức Phật nên gọi là trụ Như Lai chủng tương ứng chánh nhân.

2. Người tu lui sụt:

Từ “Nếu có chúng sinh” trở xuống...

Lui sụt ở đây là lui sụt đối với hai thứ quả vị và hạnh, nếu nói về chủng tánh niệm lui sụt cũng có.

2. Nói theo hạnh:

Từ “Lại nữa, tín thành tựu” trở xuống.

Chia làm hai:

1. Hạnh trong nhân
2. Hạnh trong quả

Từ “Vì Bồ-tát phát tâm này cho nên”.. trở xuống.

1. Hạnh trong phần nhân:

Chia làm hai:

1. Nói theo tâm
2. Nói theo hạnh

Từ “Lược nói phương tiện” trở xuống.,,

1. Nói theo tâm:

Chia làm ba:

1. Nêu chung, kể số lượng
2. Kể tên để giải thích
3. Hỏi đáp để nói rõ thêm

1. Nêu chung, kể số lượng:

Ba thứ tâm tức là ba tâm Bồ-đề.

3. Hỏi đáp

Chia làm hai:

1. Hỏi

2. Đáp

1. Hỏi:

- Chia làm hai:

1. Ví dụ

2. Hợp dụ

Từ “Chúng sinh như thế” trở xuống...

1. Ví dụ:

Hòn ngọc ma-ni to, thể tách trong sáng đây là dụ cho Thể chân như. Mà có cấu nơ của quặng đây là tâm bị phiền não làm nhiễm ô. Phương tiện là dụ duyên tu muôn hạnh kia, hợp với dụ sẽ hiểu.

2. Nói về hạnh:

Từ “Lược nói phương tiện” trở xuống...

Chia làm hai:

1. Đặt tên

I. Hạnh Phương tiện căn bản

II. Phương tiện dứt ác

III. Phương tiện khởi gốc lành

IV. Phương tiện đại nguyện bình đẳng

I. Hạnh Phương tiện căn bản:

2. Giải thích

Chia làm ba:

1. Nói về hạnh chẳng trụ sinh tử

2. Nói về hạnh chẳng trụ Niết-bàn

Từ “Quán tất cả pháp” trở xuống.

3. Vì hạnh tức lý

Từ “Vì tùy” trở xuống...

II. Phương tiện dứt ác:

Chia làm ba:

1. Đặt tên

2. Giải thích

Từ “Nghĩa là hổ thẹn” trở xuống,...

3. Vì hạnh tức lý

Từ “thuận theo” trở xuống...

III. Phương tiện khởi gốc lành:

Và IV. Phương tiện đại nguyện bình đẳng thì cũng giống như ba phần trên.

2. Hạnh trong phần quả:

Từ “Bồ-tát phát tâm này” trở xuống.

Chia làm ba:

1. Hạnh chân chứng

2. Hạnh ứng hóa

Từ “Vì thấy Pháp thân” trở xuống.

3. Dẫn kinh chứng minh

Từ “Như Tu-đa-la” trở xuống.

1. Hạnh chân chứng:

Bồ-tát vì phát tâm này sẽ được thấy một phần nhỏ Pháp thân, đây là thể của chứng hạnh.

2. Hạnh ứng hóa:

Chia làm ba:

1. Y thể khởi dụng

2. Tắm tướng lợi ích

Từ “Nghĩa là” trở xuống.

3. Chưa hết nghiệp hữu lậu

Từ “Nhưng Bồ-tát này” trở xuống.

1. Y thể khởi dụng:

Chưa gọi là Pháp thân nghĩa là Pháp thân là từ Sơ địa trở lên.

Nghiệp này có hai cách giải thích:

Bất hệ nghiệp biến dịch là đại bi làm duyên, nghiệp này là nhân đọa trong đường ác không hẹn kiếp số, gọi là biến dịch.

Phần đoạn Bất hệ nghiệp là tuy thọ báo không giới hạn kiếp số, vẫn gọi là phần đoạn. Nghiệp nhân hữu lậu là nghiệp do bốn trụ làm duyên mà được thành tựu nên gọi là phần đoạn, vì vi tế nên thọ báo không có kỳ hạn.

Chịu khổ có hai cách giải thích:

Vì nghiệp này nhỏ, đau ít khổ ít, nên không chịu khổ nhiều.

Tuy nghiệp nhỏ, còn đọa ba đường ác, theo như chỗ đọa chịu nghiệp nhỏ nên người này không chấp nhận.

3. Dẫn kinh chứng minh:

Chia làm hai:

1. Nói về quyền hạnh

2. Nói về thật hạnh

Từ “Lại nữa Bồ-tát này” trở xuống.

1. Nói về quyền hạnh:

Như kinh có chỗ nói lui sụt đọa lạc là chẳng phải kia thật lui sụt đọa lạc, nghĩa là chẳng phải nghiệp bị đọa, chưa nhập chánh vị là nhóm

Bất định.

2. Nói về thật hạnh:

Chia làm ba:

1. Không sợ rơi vào địa vị Nhị thừa
2. Hạnh không sợ khổ nạn
Từ “Nếu nghe” trở xuống.
3. Thể của năm hạnh
Từ “Vì tin hiểu” trở xuống.

CHI B2. GIẢI THÍCH GIẢI HẠNH PHÁT TÂM:

Từ “Giải hạnh phát tâm là” trở xuống...

Chia làm hai:

1. Nói thù thắng chung

Nên biết đều chuyển thành Giải hạnh thù thắng, là đều có nói rõ.

2. Nói thù thắng riêng:

Từ “Vì Bồ-tát này” trở xuống.

- Chia làm hai:

1. Giải thù thắng
2. Hạnh thù thắng
Từ “Vì biết pháp tánh” trở xuống...

2. Hạnh thù thắng:

Dùng sáu Độ để giải thích, mỗi độ có hai đoạn:

Nói về lý

Nói về lý thành hạnh

CHI B3. GIẢI THÍCH:

Chứng phát tâm

Từ “Chứng phát tâm là” trở xuống...

Chia làm hai:

1. Pháp sở chứng
2. Hạnh năng chứng
Từ “Chỉ là chân như” trở xuống...

1. Pháp sở chứng:

Có năm câu:

Từ Tịnh tâm địa cho đến Cứu cánh địa là nói theo người. Chứng cảnh giới gì là đặt câu hỏi phát khởi. Trong Thập địa chỗ chứng lý đã thông suốt. Đó là chân như là nêu pháp được chứng. Vì nương chuyển

thức gọi là cảnh giới là vì tu duyên nên cảnh giới chứng đắc khác nhau, nếu bỏ hạnh duyên thì không có cảnh giới khác nhau. Nhưng chứng đắc này là không có cảnh giới là dẹp bỏ tướng.

2. Hạnh năng chứng:

Chia làm ba:

1. Nói về hạnh năng chứng

Từ Sơ địa trở lên đến Thất địa.

2. Hạnh năng chứng từ Bát địa trở lên.

Từ “Lại nữa Bồ-tát phát tâm” trở xuống...

3. Hạnh năng chứng của Thập địa

Từ “Lại nữa, công đức Bồ-tát này” trở xuống...

1. Nói về hạnh năng chứng:

Chia làm hai:

1. Chân thân và ứng thân đối nhau để giải thích

2. Năng hóa sở hóa đối nhau để giải thích

Từ “Nhưng thật Bồ-tát” trở xuống...

1. Chân thân và ứng thân đối nhau để giải thích:

Chia làm hai:

1. Nói về chân thân

2. Nói về ứng thân

1. Nói về chân thân:

Chỉ có trí chân như là Pháp thân.

2. Nói về ứng thân:

Chia làm hai:

1. Nói riêng về ứng hóa khác

2. Kết thúc nói ứng hóa vô biên

Từ “Như thế” trở xuống...

Bồ-tát này trong khoảng một niệm thị hiện vượt qua các địa thành chánh giác, hoặc nói trong vô lượng kiếp lâu xa tu hành thành Phật. Chúng sinh căn tánh không giống nhau nên có muôn vàn sai khác nhau, nhưng chủ yếu không ngoài hai loại này, nghĩa là hạng người thứ hai biếng nhác, yếu hèn nên nói lời này.

2. Năng hóa sở hóa đối nhau:

Chia làm hai:

1. Nói về năng hóa

2. Nói về sở hóa

Từ “Vì tất cả Bồ-tát” trở xuống...

1. Nói về năng hóa:

Nhưng thật ra Bồ-tát Chứng tánh Phát tâm chỗ chứng đều ngang bằng nhau, không có pháp nào vượt hơn là Chứng tánh trở lên không có lợi và độn căn khác nhau, nhưng vì sở hóa khác nhau nên có các thứ chẳng đồng.

2. Nói về sở hóa:

Chỗ thấy chỗ nghe các căn cơ ưa thích khác nhau đây là sở hóa tức chúng sinh được giáo hóa. Cho nên chỗ tu hành cũng có khác nhau là tùy duyên (sở hóa) thị hiện năng hóa.

2. Hạnh năng chứng từ Bát địa trở lên:

Từ “Lại nữa, Bồ-tát này” trở xuống.

Chia làm hai:

1. Nêu số lượng, tướng tiêu biểu
2. Kể tên tức giải thích

Từ “Thế nào” trở xuống..

Tướng vi tế là vì vô công dụng nên hành tướng vi tế gọi là tướng vi tế. Trong ba tâm này, một tâm đầu là chân, hai tâm sau là vọng.

3. Hạnh năng chứng của Thập địa:

Chia làm hai:

1. Nhân viên mãn quả thành tựu
2. Hỏi đáp để nói rõ thêm

1. Nhân viên mãn quả thành tựu:

Chia làm hai:

1. Nói nhân kia viên mãn nên lập ra báo thân
2. Tướng dứt hết hoặc

Từ “Vì nhất niệm” trở xuống..

1. Nói nhân kia viên mãn:

Lại nữa Bồ-tát này công đức thành tựu viên mãn là nói tu nhân viên mãn. Nơi Sắc rốt ráo thị hiện thân thế gian cao lớn là nói thành tựu báo thân kia.

2. Dứt hết tướng hoặc:

Một niệm tuệ tương ưng đây là duyên trí trọn một niệm hiểu biết. Do hiểu biết này mà vô minh mau dứt sạch, chủng trí hiện tiền. Do chủng trí hiện tiền nên tự nhiên có nghiệp dụng không thể nghĩ bàn đầy khắp pháp giới, hiện khắp mười phương lợi ích chúng sinh.

2. Hỏi đáp để rõ thêm:

Chia làm hai:

G1. Hỏi đáp đầu tiên nói rõ thêm về Nhất thiết chủng trí

G2. Hỏi đáp thứ hai nói rõ thêm về nghiệp tự nhiên không thể

nghĩ bàn

1. Hỏi đáp đầu tiên nói rõ thêm về Nhất thiết chủng trí:

Chia làm hai:

1. Hỏi
2. Đáp

1. Hỏi

Hư không vô biên là hư không rộng lớn. Không có tâm tướng dứt vô minh là vọng tâm khác nhau đều không có. Nếu không có tướng tâm khác nhau, thì tại sao gọi là chủng trí, tức là Nhất thiết trí.

2. Đáp

Chia làm ba:

1. Nêu lý thể là một
2. Phàm phu không có chủng trí
Từ “Vì chúng sinh” trở xuống.
3. Chủng trí của Phật
Từ “Chư Phật” trở xuống.

1. Nêu lý thể là một:

Tất cả cảnh giới xưa nay nhất tâm, xa lìa tướng niệm nghĩa là chỉ là chân thức, không có vọng tưởng.

2. Phàm phu không có chủng trí:

Nhưng phàm phu vì khởi vọng tâm nên không gọi là pháp tánh, tâm có giới hạn không có Chủng trí.

3. Chủng trí của Phật:

Chia làm hai:

1. Phật có trí thể
2. Phật có trí dụng
Từ “Có đại trí” trở xuống...

Chư Phật Như Lai lìa kiến tướng là lìa vọng kiến. Lại nữa, tuy trí thể là một, mà có trí dụng phương tiện tùy chúng sinh khác nhau chỉ bày các thứ pháp gọi là chủng trí.

2. Nghiệp tự nhiên không thể nghĩ bàn:

Chia làm hai:

1. Hỏi
2. Đáp
1. Hỏi
- Đầu tiên là lãnh ý chỉ trên
1. Hỏi
2. Đáp

Chia làm ba: Pháp - Dụ - Hợp dụ

Từ đây trở xuống là kết thúc đoạn trước, bắt đầu đoạn sau.

Đã nói phần Giải thích, tiếp theo sẽ nói phần Tu hành tin tâm.

ĐOẠN 3. TU HÀNH TIN TÂM:

Nói về nương lý khởi tu, cũng vì người hạ căn nên nói đoạn này.

Có bốn phần:

1. Nói theo người

2. Đặt câu hỏi phát khởi

Từ “Những gì” trở xuống.

3. Giải thích Tín hạnh

Từ “Lược nói” trở xuống.

4. Tu pháp này sẽ sinh về Tịnh độ

Từ “Lại nữa chúng sinh mới học” trở xuống.

1. Nói theo người:

Trong phần này nương chúng sinh chưa vào chánh định là nhắm vào giai vị bất định.

2. Đặt câu hỏi:

Chia làm hai:

1. Hỏi về tín

2. Hỏi về hạnh

3. Giải thích tín hạnh:

Chia làm hai:

1. Giải thích tín tâm

2. Giải thích tín hạnh

Từ “Có năm môn” trở xuống...

1. Giải thích tín tâm:

Chia làm hai:

1. Nêu số lượng

2. Kể tên

Tức giải thích kính tin Tam bảo và tin lý nên gồm có bốn. Cảnh được tin không ngoài bốn loại này nên nói có bốn.

2. Giải thích tín hạnh:

Chia làm ba:

1. Nêu số lượng

2. Kể rõ

3. Giải thích rộng

Tu hành có năm môn để thành tựu tín tâm là so với sáu Độ, vì định

tuệ hợp thành một môn nên có năm môn.

3. Giải thích năm môn:

Chia làm năm:

1. Giải thích bố thí
2. Giải thích trì giới
3. Giải thích nhẫn nhục
4. Giải thích tinh tấn
5. Giải thích chỉ quán

1. Giải thích bố thí:

Chia làm hai:

1. Tên đề mục
 2. Giải thích
- Từ “Nếu thấy” trở xuống.

2. Giải thích

Chia làm ba:

1. Nói về tài thí
 2. Nói về vô úy thí
- Từ “Nếu thấy nguy” trở xuống.
3. Nói về pháp thí
- Từ “Nếu có chúng sinh” trở xuống.

2. Giải thích trì giới:

Chia làm hai:

1. Tên đề mục
2. Giải thích
2. Giải thích

- Chia làm hai:

1. Nói về hành giới
 2. Nói về chỉ giới
- Từ “Không được xem thường” trở xuống...

1. Nói về hành giới:

Chia làm hai:

1. Nói về giới thực hành mười điều lành
 2. Nói về giới oai nghi
- Từ “Nếu là xuất gia” trở xuống.

2. Nói về chỉ giới:

Chia làm hai:

1. Nói về giới tánh chủng
2. Nói về giới oai nghi

Từ “Nên giữ” trở xuống...

3. Giải thích nhãn nhục:

Chia làm hai:

1. Nói về nhãn nhục không có tâm trả thù
 2. Chịu đựng tám thứ gió ở thế gian
- Từ “Cũng nên nhãn” trở xuống...

4. Giải thích tinh tấn:

Chia làm hai:

1. Nói chính mình tinh tấn
 2. Khuyên người
- Từ “Lại nữa nếu người” trở xuống.

1. Nói tinh tấn ở mình:

Chia làm ba:

1. Nói về tinh tấn không biếng nhác
 2. Y cứ việc xưa để khuyên
- Từ “Nên nhớ” trở xuống...
3. Kết thúc lời khuyên
- Từ “Cho nên” trở xuống.

2. Khuyên người:

Chia làm ba:

1. Nói “lấy chúng sinh nạn chướng làm khuyến duyên”
 2. Nói về khuyến tu nhân hạnh
- Từ “Cần phải” trở xuống...
3. Nói về khuyến tu hồi hướng
- Từ “Hồi hướng Bồ-đề” trở xuống.

5. Giải thích chỉ quán:

Chia làm ba:

1. Nói sơ lược về chỉ quán
 2. Giải thích rộng riêng từng môn chỉ quán
- Từ “Nếu tu chỉ” trở xuống.
3. Nói về chỉ quán giúp nhau
- Từ “Nếu tu quán là đối trị” trở xuống.

1. Nói sơ lược về chỉ quán

Chia làm hai:

1. Giải thích riêng
 2. Giải thích cả hai thứ
- Từ “Thế nào là thuận theo” trở xuống...

Xa-ma-tha là tên gọi khác của Định. Tỳ-bát-xá-na là tên gọi khác

của Tuệ.

2. Giải thích rộng riêng từng môn chỉ quán:

Chia làm ba:

1. Nói chung tu quán định kia
2. Nói về tu định được lợi ích
Từ “Lại nữa tinh cần” trở xuống.
3. Nói riêng tu quán
Từ “Lại nữa nếu người chỉ tu nhân duyên” trở xuống.

1. Nói chung tu quán định kia:

Chia làm ba:

1. Nói về phương pháp tu
2. Hiện bày nạn tướng của định
Từ “Hoặc có chúng sinh” trở xuống...
3. Phân biệt sự tà chánh
Từ “Nên biết ngoại đạo” trở xuống.

1. Nói về phương pháp tu

Chia làm hai:

1. Nói về phương pháp năng tu
2. Nói về tướng Tam-muội sở tu
Từ “Lại nữa, y theo Tam-muội này” trở xuống...

1. Nói về phương pháp năng tu, chia làm hai:

1. Nói về người chân chánh tu
2. Nói về người tu không được
Từ “Chỉ trừ ... nghi ngờ” trở xuống.

1. Nói về người chân chánh tu:

Chia làm ba:

1. Nói về phương tiện đầu tiên
2. Nói về tướng đặc định
Từ “Chánh niệm này là” trở xuống.
3. Nói về Định hàng phục hoặc.
Từ “Tức tâm này cũng lại” trở xuống.
Chỉ giải thích từ ngữ đoạn đầu.

Phương tiện đầu tiên là tất cả cảnh giới theo chấp trước đều dứt, cảnh giới đã hết, tâm thuận theo cũng trừ nên chánh văn nói: Dùng tâm trừ tâm”. Trong Địa luận cũng nói như thế.

Nói Chân như Tam-muội đó là Lý định. Trong Tiểu thừa chỉ dừng tâm lưu trụ ở một cảnh, gọi là đặc định. Trong Đại thừa phân tích lý trụ tâm gọi là đặc định kia chỉ là lý vọng, nên trong kinh nói chư Phật Bồ-

tát thường đạo chơi trong định Pháp tánh.

2. Nói về tướng sở tu:

Từ “Lại nữa, y theo Tam-muội này” trở xuống.

Chia làm ba:

1. Nói về thể trong định kia
2. Nói về thể căn bản trong các định

Từ “Nên biết” trở xuống.

3. Nêu lợi ích khuyên tu

Từ “Nếu người tu hành” trở xuống...

Lại nữa, y theo Tam-muội này sẽ biết nhất tướng pháp giới là công dụng của định. Hiểu lý vốn không hai nên gọi là Nhất tướng.

Đoạn sau hiển bày tướng kia, nghĩa là thân chư Phật và thân chúng sinh bình đẳng không hai.

2. Nói về nạn tướng của định:

Từ “Hoặc có chúng sinh” trở xuống...

Chia làm ba:

1. Nói về sự não loạn của thân nghiệp
2. Nói sự não loạn của khẩu nghiệp

Từ “Hoặc hiện thiên tướng” trở xuống.

3. Nói về sự não loạn của ý nghiệp

Từ “Hoặc lại khiến cho người” trở xuống.

1. Nói về sự não loạn của thân nghiệp:

Chia làm hai:

1. Nói về sự não loạn của thân nghiệp
2. Nói về cách đối trị

Từ “Nên niệm” trở xuống...

2. Nói sự não loạn của khẩu nghiệp:

Chia làm bốn:

1. Nói về người năng thuyết
2. Nói về pháp sở thuyết

Từ “Hoặc nói đà-la-ni” trở xuống.

3. Nói về sự não loạn của thần thông

Từ “Hoặc khiến người biết” trở xuống.

4. Nói nên biết kia chẳng phải tướng chân thật

Từ “Đều là” trở xuống.

3. Sự não loạn của ý nghiệp:

Chia làm hai:

1. Nói về tướng não loạn kia

2. Nói phải quán sát

Từ “Do nghĩa này nên” trở xuống...

3. Nói về tà định và chánh định:

Từ “Nên biết ngoại đạo” trở xuống.

Chia làm ba:

1. Nói tướng tà định và chánh định

2. Nói về định chân chánh

Từ “Chân như Tam-muội là” trở xuống...

3. Khuyên người tu định

Từ “Nếu các phàm phu” trở xuống...

Cái gọi là kiến nghĩa là năm kiến. Nói Ái nghĩa là năm độn, tức năm độn sử. Nói Ngã mạn là tám mạn, tức tám thứ ngã mạn.

2. Nói về lợi ích tu định:

Từ “Lại nữa siêng năng” trở xuống...

Chia làm hai:

1. Nêu chung

2. Giải thích riêng mười thứ lợi ích của định

Từ “thế nào” trở xuống.

3. Nói riêng về tu quán:

Từ “Lại nữa, nếu người khi tu chỉ” trở xuống.

Chia làm hai:

1. Kết thúc đoạn trước bắt đầu đoạn sau

2. Nói về tu quán

Từ “Tu tập pháp quán là” trở xuống...

2. Thuyết minh tu quán

- Chia làm hai:

1. Tu theo năm cách quán, nói về tu tuệ quán

2. Theo Nhị đế để nói về tuệ quán

Từ “Còn những lúc khác” trở xuống...

1. Tu theo năm cách quán, nói về tu tuệ quán:

Chia làm hai:

1. Nói về tu quán

2. Phát nguyện giáo hóa rộng khắp

Từ “Như vậy nên nhớ” trở xuống.

Hai pháp tu này là tự mình ngộ giải cũng giúp cho người ngộ giải.

1. Nói về tu quán:

Chia làm bốn:

1. Quán vô thường
2. Nói về quán khổ
Từ “Vì thế” trở xuống...
3. Dạy quán không, vô ngã
Từ “Nên” trở xuống...
4. Nói về quán bất tịnh
Từ “Nên quán thế gian” trở xuống...

1. Quán vô thường:

- Chia làm hai:

1. Nói về Phần đoạn vô thường
2. Nói về Biến dịch vô thường
Từ “Tất cả tâm hành” trở xuống...
3. Dạy quán không, vô ngã
Trong phần dạy quán, y cứ ba đời để giải thích.

Như mộng là tướng diệt, vô diệt, tức diệt mà không có tướng diệt.

Điện quang là tướng trụ, vô trụ, tức trụ mà không có tướng trụ.

Như mây là tướng khởi, vô khởi, tức sinh mà không có tướng sinh.

2. Phát nguyện hóa độ:

Chia làm ba:

1. Niệm cảnh sở hóa
Từ “Như vậy nên nhớ” trở xuống...
2. Nói về phát nguyện
Từ “Tư duy như thế” trở xuống.
3. Nói về hạnh hóa độ
Từ “Vì khởi nguyện như vậy” trở xuống.

2. Y theo nhị đế nói về tuệ quán:

Chia làm hai:

1. Nói chung
Từ “Còn những lúc khác” trở xuống...
2. Giải thích riêng
Từ “Cái gọi là” trở xuống.

2. Giải thích riêng

Chia làm hai:

1. Nói về quán tục đế
2. Nói về quán chân đế
Từ “Tuy nhớ nghĩ nhân duyên” trở xuống...

3. Chỉ quán giúp nhau:

Từ “Nếu tu quán là đối trị” trở xuống...

Nếu tu định quá nhiều thì tâm chìm lặng, nếu nghiêng về tu quán nhiều thì tâm lay động, vì định tuệ bình đẳng tâm mới được điều hòa nhu thuận, nên kế sẽ nói rõ định tuệ giúp nhau.

Chia làm ba:

1. Nói riêng về chỉ quán đối nhau

2. Chỉ quán giúp nhau thành tựu

Từ “Vì do nghĩa này” trở xuống.

3. Tu không đủ hai pháp thì có hại

Từ “Nếu tu chỉ” trở xuống.

Tu đối trị có nghĩa chính và nghĩa phụ. Tu Định có công năng đối trị tâm tán loạn của phàm phu chấp trước và đối trị luôn tâm yếu hèn, dị kiến của người Nhị thừa. Tu Tuệ chính là đối trị tâm không Từ bi của Nhị thừa và đối trị luôn tâm si mê không tu nghiệp lành của phàm phu.

4. Nói tu chỉ thường sinh về Tịnh độ, chia làm hai:

1. Nói về nhờ năng lực nhiếp hộ của Phật mà vãng sinh

2. Dẫn kinh chứng minh

Từ “Như tu-đa-la” trở xuống...

PHẦN 3: TRUYỀN TRÌ Ở ĐỜI MẠT

1. Lời kết thúc cho phần trên

2. Khuyên thọ trì

Từ “Nếu có chúng sinh” trở xuống...

2. Khuyên thọ trì

Chia làm hai:

1. Tóm tắt từ đầu đến cuối, khuyên thọ trì

2. Nêu lên sự thù thắng, khuyên thọ trì

Từ “Dù cho có người” trở xuống.

1. Tóm tắt từ đầu đến cuối, khuyên thọ trì

Chia làm hai:

1. Tán thán quyển luận, khuyên thọ trì

2. Nêu kết quả cuối cùng để khuyên thọ trì

Từ “Nếu có người nghe pháp này” trở xuống...

2. Nêu lên sự thù thắng:

Khuyên thọ trì

Chia làm năm:

1. So sánh chứng minh sự thù thắng
2. Khen ngợi sự thù thắng, khuyên thọ trì
Từ “Lại nữa có người” trở xuống...
3. Nêu lỗi để giải thích ngược lại
Từ “Nếu có chúng sinh nào” trở xuống.
4. Y theo người để chứng minh
Từ “Vì tất cả Như Lai” trở xuống...
5. Kết thúc khuyên tu
Từ “Cho nên” trở xuống.

1. So sánh chứng minh sự thù thắng:

“So sánh” nghĩa là nếu có người dạy cho chúng sinh đầy khắp tam thiên thế giới tu mười điều lành thì chỉ cảm được quả báo sinh về cõi trời chứ không được quả Phật; còn suy nghĩ pháp này sẽ được quả Phật chứ không do tu nhân nào khác, nên gọi là “thù thắng”.

2. Khen ngợi sự thù thắng:

Chia làm hai:

1. Nói về tính chất thù thắng
2. Giải thích lý do
Từ “Vì sao” trở xuống...

3. Nêu lỗi:

- Chia làm ba:

1. Nêu tội bất tín
2. Khuyên khởi tâm kính tin
- Từ “Cho nên” trở xuống...
3. Giải thích khuyên tu
Từ “Vì tự hại mình” trở xuống...
Vì có tổn hại lớn nên phải kính tin.

4. Y theo người để chứng minh:

Chia làm hai:

1. Dùng Phật để chứng minh
Nếu không có lòng tin thì không thành Phật được nên biết đây là pháp tu chủ yếu.

2. Dùng nhân hạnh để làm chứng
Từ “Tất cả Bồ-tát” trở xuống...

Tất cả Bồ-tát đều thực hành pháp này, nên biết đây là hạnh căn bản. Chia làm hai:

1. Nói chung:
2. Nói riêng ba đời để phân biệt

Từ “Nên biết” trở xuống.

Quá khứ đã nương vào tâm kính tin Đại thừa, hiện tại đang nương, tương lai sẽ nương. Nếu quan trọng như thế thì đâu chấp nhận Bất tín, cho nên có đoạn thứ năm tiếp theo.

5. Kết thúc khuyên tu:

Phần Chánh Tông giải thích luận này đã xong.

Chương 3: HỒI HƯƠNG PHÁT NGUYỆN

Chia làm ba:

1. Hai hàng là trình bày việc đã làm
2. Một câu là nói về hồi hướng
3. Một câu là nói về chỗ vì người

Luận này nói về Lý, Hạnh và Giáo. Phàm phu Nhị thừa không có phần nên gọi là “nghĩa rộng lớn rất sâu của Phật”, sự hiển bày này không thể phân biệt sâu rộng nên gọi là “Tùy phần nói tóm tắt”. Do Hạnh trở về cội gốc nên gọi là “hồi hướng công đức này đúng như pháp tánh”. Không tu vì tự lợi nên gọi là “lợi ích khắp cõi chúng sinh”.

